

## TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI Tháng 5 và 5 tháng năm 2011

### I - CÔNG NGHIỆP:

Sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố trong tình hình sản xuất kinh doanh chung đang gặp khó khăn do tác động của giá cả, giá cả đầu vào tăng đã làm tăng chi phí sản xuất, đồng thời lãi suất vay vốn từ ngân hàng tăng đã làm nhiều doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp nhỏ giảm sản xuất vì thiếu vốn. Chỉ số phát triển công nghiệp 5 tháng dự ước đạt 12,4% so với cùng kỳ năm trước, giảm 0,5 điểm phần trăm so với mức tăng của 4 tháng.

#### Giá trị sản xuất công nghiệp

	Giá trị sản xuất (giá thực tế - tỷ đồng)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 so với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số (I+II)</b>	<b>53.863</b>	<b>250.752</b>	<b>104,2</b>	<b>112,4</b>
I. Khu vực trong nước	32.786	153.238	104,8	111,7
1. Trung ương	5.677	28.246	101,2	103,1
2. Địa phương	27.109	124.992	106,0	114,8
- Nhà nước	1.730	8.442	101,9	105,2
- Ngoài nhà nước	25.379	116.550	106,4	115,8
II. Khu vực có vốn nước ngoài	21.077	97.514	103,0	113,8

**Xét theo ngành:** các ngành sản xuất giảm vẫn như tháng 4 là khai thác mỏ khác, sản xuất thuốc lá, in và sản xuất phân phối điện.

Trong số 24 ngành tăng có một số ngành chiếm tỷ trọng cao như: thực phẩm đồ uống tăng 9%; may tăng 16% (do tháng 5/2011 có sản lượng tăng 24% so với tháng 5/2010); da giày tăng 30,4% (riêng khu vực có vốn nước ngoài chiếm hơn 70%, tăng 40,6%); cao su plastic tăng 11,7% ; sản phẩm kim loại tăng 17,4% ; thiết bị điện 23,2%.

Thành phần kinh tế nhà nước có mức tăng thấp nhất (3,5%) do đó chỉ đóng góp 0,8 điểm phần trăm trong tổng mức tăng trưởng chung 12,4% của toàn ngành và thành phần kinh tế ngoài nhà nước đóng góp 6,8 điểm phần trăm.

**Tốc độ phát triển một số ngành công nghiệp chủ yếu  
5 tháng/2011 so với cùng kỳ**

Đơn vị tính : %

	Công nghiệp trên địa bàn	Chia ra	
		Khu vực trong nước	K.vực có vốn nước ngoài
1- Thực phẩm đồ uống	109,0	109,0	109,0
2- Sản xuất thuốc lá	93,4	93,4	-
3- Dệt may	115,0	113,0	120,6
4- Sản xuất da, giày, vali túi xách	130,4	110,9	140,6
5- Hóa chất và SP từ hóa chất	104,9	124,4	89,5
6- SP từ cao su, plastic	111,7	110,1	120,8
7- Vật liệu xây dựng	118,4	118,6	117,9
8- SX kim loại	131,4	132,4	117,5
9- Cơ khí chế tạo <sup>1</sup>	117,8	120,3	114,7
10- SX radio, tivi, thiết bị truyền thông	108,1	90,9	112,5

**Giá trị sản xuất công nghiệp trung ương** tháng 5 ước đạt 5.677 tỷ đồng tăng 1,2% so tháng 4; 5 tháng đạt 28.246 tỷ đồng tăng 3,1% so cùng kỳ. Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 3,9%, doanh nghiệp cổ phần tăng 5,9%, công ty TNHH một thành viên giảm 4,8%. Chỉ có 10/20 ngành sản xuất tăng so với cùng kỳ, trong đó ngành: may tăng 32,9%; hóa chất tăng 28,9%; vật liệu xây dựng tăng 23,1%; ngành thực phẩm đồ uống tăng 4,4%. 10 ngành sản xuất giảm và có ngành giảm khá lớn là: sản xuất thuốc lá giảm 19,3%; sản xuất radio tivi giảm 22%; in giảm 2,7%; sản xuất và phân phối điện giảm 8,8%.

**Giá trị sản xuất công nghiệp nhà nước** địa phương tháng 5 ước đạt 1.730 tỷ đồng tăng 1,9% so tháng 4; 5 tháng đạt 8.442 tỷ đồng tăng 5,2% so cùng kỳ. Trong đó doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tăng 4,2%; doanh nghiệp cổ phần tăng 13,2%. Có 8/16 ngành sản xuất tăng. Kết quả sản xuất ở bốn ngành chiếm tỷ trọng cao nhất (giá trị sản xuất 4 ngành này chiếm 76,5% khu vực): thực phẩm đồ uống tăng 3,3%; thuốc lá tăng 14,5%; in giảm 7,5%; hoá chất giảm 0,1%.

Như vậy khu vực nhà nước chỉ có phân nửa ngành sản xuất tăng và mức tăng chung của cả nhà nước trung ương và nhà nước địa phương là 3,5%; đóng góp 0,75 điểm phần trăm trong tổng mức tăng trưởng chung 12,4% của toàn ngành.

**Giá trị sản xuất công nghiệp ngoài nhà nước** tháng 5 đạt 25.379 tỷ đồng tăng 6,4% so tháng 4; 5 tháng đạt 116.550 tỷ đồng tăng 15,8% so cùng kỳ năm trước. Trong đó hợp tác xã tăng 18,9%; doanh nghiệp tư nhân tăng 8,0%; công ty TNHH tăng 17,6%; công ty cổ phần tư nhân tăng 26,6%; công ty cổ phần có vốn nhà nước

<sup>1</sup> Cơ khí chế tạo bao gồm các ngành: SX sản phẩm từ kim loại, máy móc thiết bị, máy móc thiết bị điện, sản xuất xe ô tô và SX phương tiện vận tải khác.

dưới 50% tăng 16,8%; cá thể tăng 9,8%. Có 22/25 ngành sản xuất tăng. Trong đó hầu hết các ngành chiếm tỷ trọng lớn đều đạt mức tăng khá và cao: ngành thực phẩm đồ uống (chiếm tỷ trọng cao nhất) tăng 10,9%; dệt tăng 12,8%; may tăng 15,5%; da giày tăng 11,3%; hoá chất tăng 25,9%; cao su plastic tăng 11,5%; thiết bị điện tăng 59,7%; sản xuất xe có động cơ tăng 11,8%; phương tiện vận tải tăng 11,5%; sản xuất bàn ghế tăng 18,8%. Ba ngành giảm là khai thác mỏ khác, thiết bị văn phòng và khai thác phân phối nước chiếm tỷ trọng không đáng kể.

**Giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài** tháng 5 đạt 21.077 tỷ đồng tăng 3% so tháng 4; 5 tháng đạt 97.514 tỷ đồng tăng 13,8% so cùng kỳ. Có 19/22 ngành sản xuất tăng trong đó da giày tăng 40,6%; thực phẩm đồ uống tăng 9%; may tăng 14,1%; sản phẩm kim loại tăng 22,8%; máy móc thiết bị điện tăng 4%; radio tivi tăng 12,5%; sản xuất điện tăng 20,7%. Ngành hoá chất với tỷ trọng xếp thứ hai (sau ngành da giày) giảm 10,5%;

**Theo phương pháp IIP công nghiệp trên địa bàn 5 tháng tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước.**

## II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

### 1.1. Trồng trọt

\* Vụ Đông xuân: Tổng diện tích gieo trồng 10.243 ha, giảm 11,6% (-1.350 ha) so cùng kỳ năm trước; trong đó huyện Củ Chi giảm nhiều nhất (-1.288 ha). Diện tích lúa 5.465 ha, giảm 17,3% (-1.146 ha), chủ yếu giảm tại huyện Củ Chi (-1.140 ha). Do đó năng suất tuy tăng 4,4%, nhưng sản lượng lúa đông xuân vẫn giảm 13,7% so cùng kỳ (-3.960 tấn). Diện tích bắp 599 ha, giảm 23,2% (-181 ha), sản lượng giảm 22,9%. Diện tích đậu phộng 167 ha, tăng 1,8% so cùng kỳ năm trước. Diện tích rau 3.578 ha, tăng 2,7%, năng suất tăng 3,9%, sản lượng đạt 84.873 tấn, tăng 6,7%.

### Kết quả trồng trọt vụ đông xuân

	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)	% So sánh với vụ đông xuân 2009-2010		
				DT	NS	SL
<i>Cây lương thực</i>						
Lúa	5.465	45,8	25.033	82,7	104,4	86,3
Bắp	599	36,7	2.196	76,8	100,4	77,1
<i>Cây chất bột:</i>						
Khoai lang	10	89,0	89	100,0	100,3	100,0
Khoai mì	17	78,8	134	94,4	100,2	94,4
Khoai khác	10	89,0	89	166,7	100,2	167,9
<i>Rau đậu các loại</i>						
Rau các loại	3.578	237,2	84.873	102,7	103,9	106,7
<i>Cây công nghiệp</i>						
Đậu phộng	167	31,9	533	101,8	100,3	102,1
Thuốc lá	32	19,4	62	33,0	104,6	34,6

**1.2. Chăn nuôi:** kết quả điều tra chăn nuôi 1/4/2011 và so sánh với cùng thời điểm năm 2010:

Đàn trâu của thành phố 5.044 con, tăng 7,7%;

Đàn bò 99.869 con, tăng 335 con, chủ yếu do đàn bò sữa tăng 1,8% (+1.369 con); riêng đàn bò ta giảm 4,3% (-1.034 con).

Đàn heo 308,5 ngàn con, tăng 1,6%; trong đó đàn heo giống chiếm 15,8%, heo rừng lai chiếm 0,9% tổng đàn.

Tổng đàn gà 134,6 ngàn con, chủ yếu nuôi gia công cho công ty CP và trang trại Củ Chi 1.

## **2. Lâm nghiệp**

Công tác tuần tra bảo vệ rừng được thực hiện thường xuyên, từ đầu năm đến nay đã tổ chức 428 lượt tuần tra bảo vệ rừng, bảo vệ động vật hoang dã; 325 lượt kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, 524 lượt kiểm tra cơ sở sản xuất, 186 lượt tuần tra kiểm soát buôn bán động vật hoang dã. Tổng số tiền xử phạt thu nộp ngân sách Nhà nước là 902,5 triệu đồng.

## **3. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ tháng 5/2011)**

Tổng sản lượng thủy hải sản ước thực hiện 3.172 tấn, tăng 22,7% so với tháng 5/2010 và tăng 10,6% so tháng trước.

- Sản lượng đánh bắt đạt 1.970 tấn, chiếm 62,1% tổng sản lượng, tăng nhẹ 0,5% so cùng kỳ, giảm 7,4% so tháng trước.

- Sản lượng nuôi trồng 1.202 tấn, tăng 92 % so cùng kỳ (+578 tấn) tăng 61,8% so tháng trước; riêng tôm chiếm 80% sản lượng, tăng 58,4%.

Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng phát triển mạnh, sản lượng đạt 600 tấn, chiếm hơn 60% tổng sản lượng tôm nuôi, tăng 55,8% so cùng kỳ.

**Tình hình thả nuôi tôm:** (tính đến ngày 11/5/2011)

+ Tôm sú: Có 743 lượt hộ thả nuôi 94 triệu con giống trên diện tích 3.358,6 ha.

+ Tôm thẻ chân trắng: Có 584 lượt hộ thả nuôi 407 triệu con giống trên diện tích 530,2 ha.

**Dịch bệnh trên tôm:** Tính từ đầu vụ đến nay, có 176 lượt hộ nuôi có tôm bị bệnh trên diện tích 154,7 ha (bằng 2,3 lần diện tích cùng kỳ năm trước), làm thiệt hại 94,8 triệu con tôm giống. Có 95 lượt hộ được xử lý bằng nguồn thuốc dập dịch

## **III. ĐẦU TƯ**

### **1. Đầu tư xây dựng:**

Tổng vốn đầu tư XD CB trên địa bàn 5 tháng ước thực hiện 31.496 tỷ đồng, so với kế hoạch năm đạt 19%, tăng 15,6% so với cùng kỳ và có tốc độ tăng thấp

hơn năm trước (5 tháng năm 2010 tăng 15,8% ; chủ yếu do nguồn vốn từ ngân sách giảm.

**Tổng vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố 5 tháng thực hiện 4.581,1 tỷ đồng, đạt 39,9% kế hoạch năm và tăng 10,9% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm 2010 tăng 48%).** Cấp thành phố ước thực hiện 2.304,6 tỷ đồng, chiếm 50,3%; giảm 5,1% so với cùng kỳ năm trước; Cấp quận huyện ước thực hiện 2.276,5 tỷ đồng, chiếm 49,7%, tăng 33,8%..

### Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

	Thực hiện 5 tháng (tỷ đồng)	% thực hiện so với	
		Kế hoạch năm	Cùng kỳ 2010
<b>Tổng vốn đầu tư</b>	<b>4.581,1</b>	<b>39,9</b>	<b>110,9</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	474,5	51,2	86,2
<b>Cấp thành phố</b>	<b>2.304,6</b>	<b>36,0</b>	<b>94,9</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	168,5	46,0	86,5
<b>Cấp quận huyện</b>	<b>2.276,5</b>	<b>50,4</b>	<b>133,8</b>
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	306,0	54,6	86,1

Tháng 5, khối lượng thực hiện tập trung chủ yếu là các dự án có nguồn vốn ODA, các dự án xây dựng mới trường học và một số dự án cầu đường, cụ thể: dự án Cải thiện môi trường nước TP giai đoạn 1; dự án đại lộ Đông - Tây; dự án Vệ sinh môi trường TP (Nhiều Lộc – Thị Nghè); dự án Nâng cấp đô thị; Trường THPT Nguyễn Tất Thành P11- Quận 6; Trường THCS Bình Lợi Trung - quận Bình Thạnh; Trường THCS Đinh Bộ Lĩnh - quận Bình Thạnh...

Nhìn chung khối lượng thực hiện 5 tháng so với cùng kỳ có tốc độ tăng chậm hơn năm trước. Nguyên nhân do nhiều công trình trọng điểm thiếu vốn và khó khăn giải tỏa mặt bằng như: dự án Mở rộng tỉnh lộ 10, thiếu 400 tỷ giải phóng mặt bằng; dự án sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Thị Thập; tỉnh lộ 25B (giai đoạn 2); nhiều gói thầu công trình xây dựng hệ thống cấp nước sạch huyện Cần Giò thiếu mặt bằng thi công ...

#### Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

- Dự án đại lộ Đông – Tây (Võ Văn Kiệt) đang hoàn thiện các bước kỹ thuật trong đường hầm, dự kiến thông xe vào quý 3/2011.

- Các dự án tuyến đường Tân Sơn Nhất – Bình Lợi – Vành đai ngoài; di dời hạ tầng kỹ thuật tuyến đường sắt đô thị số 1 và mở rộng xa lộ Hà Nội; tuyến đường sắt đô thị số 2; cầu Phú long... gặp khó khăn trong đền bù giải tỏa.

#### 2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân:

Tính đến ngày 30/4/2011, toàn thành phố đã cấp 13.048 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 2.308,9 ngàn m<sup>2</sup>. Trong đó cấp cho xây dựng mới

11.596 giấy phép, với diện tích 2.144,1 ngàn m<sup>2</sup> và 1.452 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 164,8 ngàn m<sup>2</sup>.

So với cùng kỳ tăng 13,2% về giấy phép (+1.526 giấy phép) và tăng 8,4% về diện tích (+ 178 ngàn m<sup>2</sup>).

### **3. Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài**

Từ đầu năm đến ngày 16/5 đã có 118 dự án có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư với vốn đăng ký đạt 1.316,2 triệu USD, vốn điều lệ 283,3 triệu USD.

- Theo hình thức đầu tư: 29 dự án liên doanh, vốn đầu tư 86 triệu USD và 89 dự án 100% vốn nước ngoài, vốn đầu tư 1.230,2 triệu USD.

- Chia theo lĩnh vực đầu tư: ngành công nghiệp 15 dự án, vốn đầu tư 1.033,3 triệu USD; ngành xây dựng 16 dự án, vốn đầu tư 11 triệu USD; ngành thương mại 33 dự án, vốn đầu tư 91,9 triệu USD; ngành kinh doanh bất động sản và dịch vụ tư vấn 48 dự án, vốn đầu tư 175,9 triệu USD...

- Theo đối tác đầu tư: Hàn quốc 21 dự án, vốn đầu tư 22,7 triệu USD; Singapore 19 dự án, vốn đầu tư 1.103,9 triệu USD; Nhật Bản 16 dự án, vốn đầu tư 6,7 triệu USD, Hoa kỳ 10 dự án, vốn đầu tư 10,5 triệu USD, Đài loan 4 dự án, vốn đầu tư 129,9 triệu USD, Hà Lan 5 dự án, vốn đầu tư 24,3 triệu USD, Brunei 1 dự án, vốn đầu tư 5 triệu USD,...

Có 36 dự án điều chỉnh vốn đầu tư và vốn điều lệ, vốn đầu tư điều chỉnh tăng 54,1 triệu USD. **Tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng vốn đến ngày 16/5 đạt 1.370,3 triệu USD (cùng kỳ năm trước 842,9 triệu USD).**

Số dự án còn hiệu lực hoạt động có đến ngày 16/5 trên địa bàn thành phố là 3.990 dự án với tổng vốn đầu tư 31.056,3 triệu USD.

## **IV. THƯƠNG MẠI GIÁ CẢ**

### **1. Nội thương**

Các trung tâm thương mại và công ty du lịch thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi trong tháng 4 và tháng 5, mức tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ của người dân trong tháng tuy có tăng nhưng mức tăng không bằng tháng trước. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trong tháng 5 trên địa bàn thành phố ước đạt 36.252 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước: kinh tế nhà nước 6.953 tỷ đồng, tăng 2,5%; kinh tế ngoài nhà nước 28.174 tỷ đồng, tăng 2,8%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 1.126 tỷ đồng, giảm 0,2%.

So với tháng 5/2010, tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tăng 24,9%; trong đó doanh thu dịch vụ du lịch lữ hành tăng 60,4% và doanh thu khách sạn tăng 34,6%.

Ước tính 5 tháng đầu năm, tổng mức hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ đạt 177.543 tỷ đồng, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước.

- + Kinh tế nhà nước 37.942 tỷ đồng, tăng 18,4%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 134.293 tỷ đồng, tăng 23,4%;
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 5.308 tỷ đồng, tăng 22,2%.

### Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 5 tháng (Tỷ đồng)			% so sánh 5 tháng so với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. tế trong nước	K.tế có vốn ĐTNN
<b>Tổng mức</b>	<b>177.543</b>	<b>172.236</b>	<b>5.308</b>	<b>122,2</b>	<b>122,2</b>	<b>122,2</b>
Tr.đó: Thương nghiệp	145.076	143.968	1.108	120,8	120,7	138,6
Khách sạn	3.177	1.447	1.730	120,0	133,8	110,5
Nhà hàng	14.591	14.299	293	129,3	128,9	147,0
Dịch vụ du lịch lữ hành	4.685	4.008	678	137,6	137,8	136,2

**Loại trừ yếu tố biến động giá, lượng tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2010.**

\* **Doanh thu du lịch** (bao gồm dịch vụ du lịch lữ hành và khách sạn) ước tháng 5 đạt 1.426 tỷ đồng, giảm 9,1% so với tháng trước, tăng 48,8% so với tháng 5/2010; 5 tháng đạt 7.862 tỷ đồng, tăng 29,9% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khách sạn chiếm 40,4%, tăng 20% (riêng khu vực có vốn nước ngoài tăng 10,5%).

## 2. Giá cả

**Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5 tăng 2,38% so với tháng trước;** khu vực thành thị tăng 2,38%, khu vực nông thôn tăng 2,42%. Loại trừ nhóm “Bưu chính viễn thông” có mức giá giảm (-1,72%). 10 nhóm hàng còn lại đều có mức giá tăng và tăng cao hơn mức bình quân chung có 4 nhóm: “Thuốc và dịch vụ y tế”, tăng 4,25%; “Hàng ăn và dịch vụ ăn uống” tăng 3,77%; “nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD” tăng 2,9%; “Giao thông”, tăng 2,77%; nhóm “giáo dục” tăng thấp nhất với mức tăng 0,03%.

+ Nhóm hàng thực phẩm tăng 4,26% do những mặt hàng thực phẩm như thịt, cá (kể cả tươi sống và chế biến), dầu ăn, ... đều tăng so với tháng trước như: thịt gia súc tươi sống (+9,64%), thịt gia cầm tươi sống (tăng 6,29%), thịt chế biến (tăng 5,85%), hàng thủy hải sản tươi sống (tăng 3,40%); nhóm thủy hải sản chế biến (tăng 3,44%),... . Bên cạnh đó hầu hết các mặt hàng rau xanh đều giảm như đậu hạt (-1,05%); rau các loại (-0,93%) đã phần nào làm giảm tốc độ tăng của nhóm hàng thực phẩm.

+ Nhóm “nhà ở, điện, nước, chất đốt” tăng do: giá gas (tăng 5,97%); dầu hỏa (tăng 5,98%); chất đốt (tăng 2,02%); Xi măng (tăng 6%); Điện (tăng 2,41%); nước sinh hoạt (tăng 0,39%); giá cho thuê nhà khu vực tư nhân (tăng 4%),... do tác động

dây chuyền từ việc tăng giá điện, giá nước và mặt bằng giá sinh hoạt chung từ đầu năm đến nay.

+ Nhóm “thuốc và dịch vụ y tế” tăng do: dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú (tăng 3,64%), dịch vụ khám chữa bệnh nội trú (tăng 8,05%), thuốc kháng sinh cơ bản (tăng 1,52%); thuốc Vitamin (tăng 1,94%); dụng cụ y tế (tăng 2,03%);,

+ Nhóm “giao thông” tăng do giá cước vận chuyển tăng: tàu hỏa (+11,98%); dịch vụ vận chuyển hành khách (+2,57%), ...

### Chỉ số giá tháng tiêu dùng, chỉ số giá vàng và giá USD tháng 5/2011

Đơn vị tính: %

	So với tháng 4	So với tháng 12/2010	So với tháng 5/2010
<b>1. Chỉ số giá tiêu dùng</b>	<b>102,38</b>	<b>110,78</b>	<b>116,15</b>
Ăn và dịch vụ ăn uống	103,77	115,37	123,71
Trong đó: Lương thực	102,05	106,64	120,26
Thực phẩm	104,26	117,59	126,50
Dịch vụ ăn uống ngoài gia đình	103,86	116,66	121,31
Uống và thuốc lá	100,25	105,51	110,48
May mặc, mũ nón giày dép	101,57	106,47	112,50
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	102,90	112,53	120,33
Thiết bị và đồ dùng gia đình	100,89	104,49	108,32
Dược phẩm và dịch vụ y tế	104,25	105,56	108,34
Giao thông	102,77	119,93	120,13
Bưu chính viễn thông	98,28	98,51	94,19
Giáo dục	100,03	100,28	106,23
Văn hoá và giải trí	100,28	104,64	111,14
Hàng hóa và dịch vụ khác	100,57	105,76	112,52
<b>2. Chỉ số giá vàng</b>	<b>101,57</b>	<b>104,59</b>	<b>139,49</b>
<b>3. Chỉ số tỷ giá USD</b>	<b>97,34</b>	<b>97,50</b>	<b>109,03</b>

So với tháng 5/2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 16,15%. Trong đó 3 nhóm tăng cao trên 20% là: “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” (+23,71%, riêng thực phẩm tăng 26,5%), “điện nước và chất đốt” (+20,33%) và “giao thông” (+20,13%) là nguyên nhân trực tiếp làm tăng chỉ số giá chung. Có 1 nhóm giảm là nhóm “dịch vụ viễn thông” (-5,81%).

So với tháng 12/2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 10,78% (cùng kỳ năm trước tăng 4,51%).

Giá vàng tháng 5 tăng 1,57% so với tháng trước, tăng 39,49% so với tháng 5/2010 và tăng 4,59% so với tháng 12/2010.

Chỉ số tỷ giá USD so với tháng trước giảm 2,66%, và giảm 2,5% so với tháng 12/2010 nhưng tăng 9,03% so với tháng 5/2010.



## V. XUẤT NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố 5 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 17.163,5 triệu USD, tăng 2.643,3 triệu USD so với 5 tháng đầu năm 2010 (tăng 18,2%); Khu vực kinh tế trong nước chiếm 69,7%, khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 30,3%.

### 1. Xuất khẩu

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5 ước thực hiện 2.156,4 triệu USD, giảm 9,9% so với tháng trước; khu vực kinh tế trong nước giảm 12,7%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1%. Nếu không tính giá trị dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.533,4 triệu USD, tăng 1,1% so với tháng trước và giảm 17,8% so với tháng 5/2010.

Năm tháng trị giá xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố ước đạt 10.243,4 triệu USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước; Loại trừ dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 7.198,6 triệu USD, tăng 11,7% so với 5 tháng cùng kỳ năm trước.

#### Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>1.533,4</b>	<b>7.198,6</b>	<b>101,1</b>	<b>111,7</b>
Kinh tế Nhà nước	509,9	2.399,5	101,2	117,0
Kinh tế tập thể	1,5	7,1	100,3	118,7
Kinh tế tư nhân	518,0	2.364,7	100,9	100,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	504,0	2.427,3	101,0	119,6

Trị giá một số mặt hàng chủ yếu xuất khẩu trong 5 tháng đầu năm và tốc độ tăng (giảm so với cùng kỳ năm trước):

+ Trị giá hàng gạo ước đạt 644 triệu USD, chiếm tỷ trọng 13,9% trong kim ngạch xuất khẩu hàng hoá không kể dầu thô (cùng kỳ năm trước là 15,8%), giảm 4,9%; trong đó tăng 0,5% về lượng, giá tăng 5,4%. Hiện nay việc kiểm soát chất lượng gạo chặt chẽ hơn so với thời kỳ trước, đặc biệt là các thị trường mới như Nhật và Hàn Quốc do đó các doanh nghiệp cũng đang từng bước rà soát và nâng cao chất lượng sản phẩm từ khâu thu mua đến bảo quản phục vụ xuất khẩu.

+ Cà phê 148,9 triệu USD, tăng 39,1%;

+ Thủy sản 157,1 triệu USD, tăng 12%;

+ Hàng may mặc 845,3 triệu USD, tăng 17,8% (chiếm tỷ trọng cao nhất trong các mặt hàng xuất khẩu, nhưng chủ yếu là hàng gia công nên trị giá gia tăng của hàng hóa khá thấp);

+ Hàng giày dép 220,8 triệu USD, tăng 17,1%;  
 + Dầu thô 3.044,9 triệu USD, tăng 38%. Trong đó lượng giảm 0,5%, giá bình quân tăng 43%.

## 2. Nhập khẩu

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 5 ước thực hiện 2.142,1 triệu USD, tăng 1,1% so tháng trước và tăng 17,6% so với tháng 5/2010.

**Năm tháng đầu năm, kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước thực hiện 9.964,9 triệu USD, tăng 23,4% so với cùng kỳ năm trước.** Khu vực kinh tế trong nước chiếm 77,7%, tăng 23,7% và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 22,3%, tăng 22,2%.

### Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>2.142,1</b>	<b>9.964,9</b>	<b>101,1</b>	<b>123,4</b>
Kinh tế Nhà nước	756,2	3.394,6	101,0	128,5
Kinh tế tập thể	0,9	4,7	101,3	124,1
Kinh tế tư nhân	933,0	4.345,7	101,1	120,3
Kinh tế có vốn nước ngoài	452,0	2.219,9	101,1	122,2

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu trong 5 tháng của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

- Sữa và sản phẩm sữa ước 190,8 triệu USD, tăng 36,1%;
- Nhiên liệu 736,7 triệu USD, tăng 104,7% (giá tăng 41,9%, lượng tăng 44,3%);
- Nguyên phụ liệu may 368,8 triệu USD, tăng 20,1%;
- Sắt thép 89,1 triệu USD, tăng 3%;
- Phụ liệu giày dép 71,4 triệu USD, tăng 18,6%;
- Tơ và sợi dệt 22,5 triệu USD, tăng 46,2%;
- Tân dược 328,4 triệu USD, tăng 86,6%.

## VI. VẬN TẢI

### 1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 5 ước đạt 2.784,1 tỷ đồng, tăng 3% so với tháng trước và tăng 23,1 % so với tháng 5/2010. 5 tháng đầu năm đạt 13.112 tỷ đồng, tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 17,4%, tăng 1,3%.

**Doanh thu vận chuyển hàng hóa và hành khách  
5 tháng đầu năm**

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 5 tháng với cùng kỳ 2010	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
<b>Tổng số</b>	<b>8.901,6</b>	<b>4.210,4</b>	<b>121,3</b>	<b>124,9</b>
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.077,5	209,5	101,1	103,7
Kinh tế ngoài nhà nước	6.743,2	2.972,6	129,0	125,4
Kinh tế có vốn nước ngoài	80,9	1.028,3	135,4	128,9
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	4.470,1	3.213,1	120,3	123,3
Đường sông	784,3	68,8	141,5	127,4
Đường biển	3.613,1		118,5	

Doanh thu vận tải hàng hóa ước tháng 5 ước đạt 1.926,9 tỷ đồng, tăng 3,8% so với tháng trước; tính chung 5 tháng đạt 8.901,6 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 67,9% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 21,3%. Doanh thu ngành vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 40,6% trong doanh thu vận chuyển hàng hóa và tăng 18,5% so với 5 tháng cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận tải hành khách tháng 5 ước đạt 857,2 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước; 5 tháng ước đạt 4.210,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 32,1% trong tổng doanh thu vận chuyển, tăng 24,9% so với cùng kỳ. Trong đó đường bộ chiếm 76,3% doanh thu của ngành và tăng 23,3%.

Nhìn chung ngành vận tải gặp khó khăn nhiều do giá xăng dầu được điều chỉnh tăng nhiều lần trong 5 tháng đầu năm, giá cước vận tải tuy có tăng nhưng chưa đảm bảo tương ứng với mức tăng của giá nhiên liệu và các chi phí khác.

## **2. Hàng hóa qua cảng:**

Tổng hàng hóa thông qua cảng tháng 5 ước đạt 5.143,9 nghìn tấn, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 3,3% so với tháng 5/2010. Năm tháng ước đạt 23.624,1 nghìn tấn, tăng 1,9% so với 5 tháng cùng kỳ năm trước; trong đó hàng hoá xuất khẩu 8.892,9 ngàn tấn, chiếm 37,6%, tăng 4,6%; hàng nhập khẩu 11.400,8 ngàn tấn, chiếm 48,3%, tăng 1,5%. Hàng qua cảng biển chiếm 95,6% sản lượng (riêng qua cảng có vốn nước ngoài chiếm 8%) và cảng sông chiếm 4,4%.

## Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 5	5 tháng	Tháng 5 với tháng 4	5 tháng với cùng kỳ 2010
<b>Tổng số</b>	<b>5.143,9</b>	<b>23.624,1</b>	<b>100,6</b>	<b>101,9</b>
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	4.955,5	22.586,2	100,8	102,5
Cảng sông	188,4	1.037,9	93,9	91,3
<i>* Phân theo loại hàng bốc xếp</i>				
Hàng xuất khẩu	1.887,5	8.892,9	100,6	104,6
Hàng nhập khẩu	2.545,0	11.400,8	100,8	101,5
Hàng nội địa	711,4	3.330,4	99,5	96,0

Doanh thu bốc xếp hàng hóa tháng 5 ước đạt 490,8 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 19,9% so với tháng 5/2010. Dự ước 5 tháng đầu năm đạt 2.178,1 tỷ đồng, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm trước.

## VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

### 1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 5 tháng ước thực hiện 85.826,9 tỷ đồng, đạt 48,2% dự toán, tăng 27,8% so cùng kỳ. Trong đó: thu nội địa 47.340,9 tỷ đồng, đạt 47,8%, tăng 29,5%; thu từ dầu thô 13.426,3 tỷ đồng, đạt 17,8% , tăng 97,6%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 24.300 tỷ đồng, đạt 39%, tăng 5,9%.

### Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2011 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2010
<b>Tổng thu</b>	<b>177.970</b>	<b>85.826,9</b>	<b>48,2</b>	<b>127,8</b>
<b>Tổng thu cân đối ngân sách NN</b>	<b>172.706</b>	<b>85.067,2</b>	<b>49,3</b>	<b>128,3</b>
I- Thu nội địa	98.996	47.340,9	47,8	129,5
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	25.810	10.464,1	40,5	111,5
2. Khu vực ngoài nhà nước	26.880	11.092,5	41,3	121,1
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	22.200	10.184,9	45,9	143,5
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	62.310	24.300,0	39,0	105,9
III- Thu từ dầu thô	11.400	13.426,3	117,8	197,6

Thu từ doanh nghiệp nhà nước chiếm 22,1% tổng thu nội địa, tăng 11,5% so cùng kỳ. (Nhà nước trung ương 6.138,4 tỷ đồng, tăng 47,7%; Nhà nước địa phương 4.325,8 tỷ đồng, giảm 17,3%). Thu từ khu vực ngoài nhà nước đạt 11.092,5 tỷ đồng, chiếm 23,4% thu nội địa, tăng 21,1%. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 10.184,9 tỷ đồng, chiếm 21,5% thu nội địa, tăng 43,5%. Thu khác đạt 15.599,4 tỷ đồng, tăng 42,9%. Trong đó thuế thu nhập cá nhân chiếm 43,9% trong thu khác, tăng 68,3%; thu tiền sử dụng đất chiếm 32%, tăng 76,2%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 5 tháng ước đạt 18.668,1 tỷ đồng, đạt 52,1% dự toán, tăng 26,1% so cùng kỳ.

### Chi ngân sách địa phương

	Năm 2011 (Tỷ đồng)		% thực hiện 5 tháng năm 2011 so với	
	Dự toán	Ước TH 5 tháng	Dự toán	Cùng kỳ
<b>Tổng chi (trừ tạm ứng)</b>	<b>35.422,9</b>	<b>16.075,3</b>	<b>45,4</b>	<b>158,0</b>
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.300,0	9.383,5	83,0	191,0
Trong đó: trả lãi và vốn vay	3.348,9	422,6	12,6	715,2
II- Chi thường xuyên	18.750,0	6.668,9	35,6	128,5
Trong đó:				
Sự nghiệp kinh tế	2.690,0	844,6	31,4	133,8
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	4.974,9	1.706,3	34,3	123,3
Sự nghiệp y tế	2.161,4	819,7	37,9	134,2
Quản lý hành chính	2.717,3	1.002,1	36,9	133,8

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 5 tháng ước thực hiện 16.075,3 tỷ đồng, đạt 45,4% dự toán, tăng 58% so cùng kỳ. Chi đầu tư phát triển <sup>(2)</sup> ước thực hiện 9.383,5 tỷ đồng, tăng 91% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 6.668,9 tỷ đồng, tăng 28,5% so cùng kỳ; trong đó, chi sự nghiệp kinh tế 844,6 tỷ đồng, tăng 33,8%; chi sự nghiệp giáo dục đào tạo 1.706,3 tỷ đồng, tăng 23,3%; chi sự nghiệp y tế 819,7 tỷ đồng, tăng 34,2%; chi quản lý hành chính tăng 33,8%; chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 14,2%; chi đảm bảo xã hội tăng 53,9%.

Tổng chi ngân sách địa phương bao gồm tạm ứng ước thực hiện 5 tháng 28.562,5 tỷ đồng, tăng 69,4% so cùng kỳ.

<sup>2</sup> Nếu không tính số tiền tạm ứng vốn đầu tư XDCB đến hết ngày 31/01/2011 chưa thanh toán được chuyển sang năm 2011 thanh toán và quyết toán thì chi đầu tư phát triển ước đạt 3.485 tỷ đồng, đạt 43,8% dự toán và bằng 71,5% so cùng kỳ.

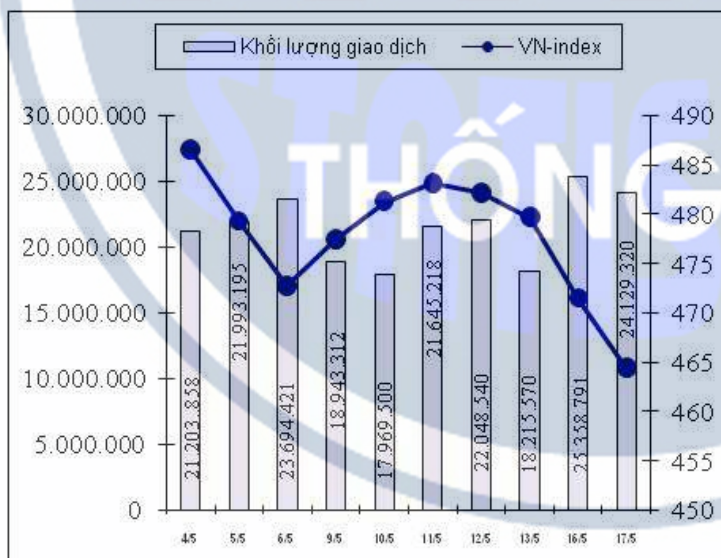
## 2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 5 ước đạt 792,2 ngàn tỷ đồng, tăng 22,9% so cùng kỳ nhưng chỉ tăng 0,3% so với cùng thời điểm tháng trước do nguồn vốn huy động từ dân cư giảm tới 5%; tuy nhiên nếu so với tháng tháng 5/2010 thì nguồn vốn này vẫn tăng 30,9%, cao hơn mức tăng chung.

Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 59,2% tổng vốn huy động, tăng 36,2%; vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 23,8%, tăng 8,4% so với cùng thời điểm năm trước ; vốn huy động VNĐ tăng 19,1%, trong đó tiền gửi tiết kiệm đạt 281,4 ngàn tỷ đồng, tăng 28,8%, chiếm 35,5% tổng vốn huy động.

- Tổng dư nợ tín dụng đến cuối tháng 5 ước đạt 748,9 ngàn tỷ đồng, tăng 28% so với cùng thời điểm năm trước. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 383,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 51,2% tổng dư nợ, tăng 39,7%. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 220,9 ngàn tỷ đồng, chiếm 29,5%, tăng 35,2%. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ tăng 25,2%. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 45,5%, tăng 27,5% so cùng kỳ, dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 28,4%.

## 3- Thị trường chứng khoán:



Tính đến ngày 17/5, tổng số chứng khoán giao dịch khớp lệnh là 289; gồm 284 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 238.248 tỷ đồng tăng 4,4% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 167.027 tỷ đồng, chiếm 70,1%; trái phiếu đạt 68.460 tỷ đồng chiếm 28,7%; chứng chỉ quỹ đạt 2.761 tỷ đồng, chiếm 1,2%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết đạt

596.970 tỷ đồng, tăng 0,6% so đầu năm. **VN-index tại thời điểm ngày 17/5 đạt 464,35 điểm, giảm 4,2% so đầu năm, tương ứng giảm 20,31 điểm.**

Kết quả giao dịch của 17 ngày đầu tháng 5 đạt 215,2 triệu chứng khoán, giảm 14,3% so tháng trước; bình quân mỗi phiên có 21,5 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị bình quân đạt 512,3 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm, khối lượng giao dịch đạt 3.424,6 triệu chứng khoán, giảm 20,1% so cùng kỳ. Trong đó, khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 2.916,3 triệu chứng khoán, giảm 26,9%; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 508,3 triệu chứng khoán, tăng 70,5%.

Giá trị giao dịch của 17 ngày đầu tháng 5 đạt 5.123,1 tỷ đồng, giảm 7,9% so tháng trước, bằng 24,1% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 3.375,7 tỷ đồng, chiếm 65,9% tổng giá trị giao dịch, giảm 82,5% so cùng kỳ; giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 4.896,3 tỷ đồng, chiếm 95,6%, giảm 76,8% so cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm, giá trị giao dịch đạt 82.080,1 tỷ đồng, giảm 53,1% so cùng kỳ. Trong đó, giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 66.949,9 tỷ đồng, giảm 58,6%; giá trị giao dịch thỏa thuận đạt 15.130,2 tỷ đồng, tăng 14,6%.

### Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	17 ngày tháng 5	Lũy kế đến tháng 5	Tháng 5 so tháng 4	5 tháng so cùng kỳ 2010
<b>Tổng khối lượng giao dịch</b> (triệu CK)	215,2	3.424,6	85,7	79,9
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	209,7	3.381,0	84,2	80,6
Trái phiếu	2,2	7,6	-	100,3
Chứng chỉ quỹ	3,3	36,0	173,7	42,1
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	165,2	2.916,3	83,0	73,1
Giao dịch thỏa thuận	50,0	508,3	95,9	170,5
<b>Tổng giá trị giao dịch</b> (tỷ đồng)	5.123,1	82.080,1	92,1	46,9
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	4.896,3	81.099,0	88,3	46,8
Trái phiếu	197,0	676,5	-	107,6
Chứng chỉ quỹ	29,8	304,6	186,5	31,3
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	3.375,7	66.949,9	80,9	41,4
Giao dịch thỏa thuận	1.747,4	15.130,2	125,8	114,6

## VIII. HOẠT ĐỘNG Y TẾ VÀ XÃ HỘI

### 1. Y tế:

#### - Tình hình dịch bệnh:

+ **Bệnh tả:** Trong tháng 4 đã phát hiện 1 ca dương tính với phẩy khuẩn tả tại quận Thủ Đức, giảm 8 ca so cùng kỳ.

+ **Bệnh sốt xuất huyết:** Trong tháng 4 đã có 455 ca bệnh, tăng 0,9% so với tháng trước, tăng 85% (+209 ca) so cùng kỳ, không có trường hợp tử vong. Số ca mắc bệnh tập trung ở quận 8, Bình Tân, Tân Bình, Tân Phú.

+ **Bệnh tay chân miệng:** Bệnh tay chân miệng có chiều hướng tăng từ tháng 3 và tăng cao trong tháng 4. Số ca mắc bệnh tay chân miệng trong tháng 4 là 571 ca, tăng gấp đôi so với tháng trước, tăng 89,1% (+269 ca) so cùng kỳ. Trong 4 tháng đầu năm, tổng số ca mắc bệnh là 1.167 ca, tăng 20,4% (+198 ca) so với cùng kỳ, đã có 6 ca

tử vong. Bệnh xuất hiện ở tất cả các quận, huyện nhiều nhất ở quận 8, Tân Bình, Bình Tân, Tân Phú, huyện Bình Chánh.

Trước tình hình các ca bệnh tăng cao, ngành y tế thành phố đã chỉ đạo tất cả các quận, huyện giám sát chặt chẽ, phát hiện sớm các ca bệnh, đặc biệt trong các trường mầm non. Hướng dẫn vệ sinh và khử khuẩn, không để trẻ bị bệnh đến trường và hướng dẫn nhà trường khử khuẩn theo đúng quy trình.

+ **Bệnh thủy đậu, quai bị:** Số ca mắc bệnh thủy đậu trong tháng 4 là 66 ca, tăng 65% (+26 ca) so với cùng kỳ. Số ca mắc bệnh quai bị trong tháng 4 là 19 ca, giảm 9,5% (-2 ca) so với cùng kỳ.

## 2. Tình hình trật tự an toàn xã hội (Từ ngày 01/04 đến 30/04)

- **Chống tội phạm kinh tế:** Đã phát hiện và xử lý 67 vụ vi phạm kinh tế, trong đó chủ yếu là buôn bán vận chuyển hàng ngoại không có hóa đơn chứng từ 11 vụ; kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế 22 vụ; mua bán hàng cấm 27 vụ; sản xuất, buôn bán hàng giả 6 vụ. Thu giữ hàng hóa trị giá trên 2,1 tỷ đồng, chủ yếu là thuốc lá ngoại, linh kiện điện tử, ngoại tệ,...

- **Chống tội phạm hình sự:** Đã xảy ra 430 vụ phạm pháp hình sự, giảm 3,8% (-17 vụ) so với tháng trước; giảm 3,8% (-17 vụ) so với cùng kỳ; làm chết 17 người, bị thương 45 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 7 tỷ đồng. Các vụ phạm pháp hình sự chủ yếu là: giết người 17 vụ, cướp tài sản 38 vụ, cướp giật 103 vụ, cố ý gây thương tích 26 vụ, trộm cắp tài sản 211 vụ, hiếp dâm 4 vụ, chống người thi hành công vụ 4 vụ,... Số vụ phạm pháp hình sự đã được điều tra khám phá là 290 vụ, bắt 381 người vi phạm.

### - Hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội:

+ **Ma túy:** Tổng số vụ vi phạm ma túy là 99 vụ trong đó: mua bán – tàng trữ 73 vụ, sử dụng trái phép chất ma túy 26 vụ, đã khởi tố 68 vụ với 110 người vi phạm; xử lý hành chính 31 vụ với 108 người vi phạm. Lập hồ sơ tập trung 98 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường, xã. Đã triệt phá 5 điểm tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, bắt 17 người vi phạm và thu giữ nhiều hiện vật.

+ **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 6 ổ mại dâm, bắt giữ 26 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 6 gái mại dâm; 129 đối tượng lang thang, xin ăn; 128 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra lập biên bản 386 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

+ **Cờ bạc, cá độ:** Đã xử lý 101 vụ tổ chức cờ bạc với 551 người tham gia, thu giữ trên 388 triệu đồng, 300 USD và nhiều hiện vật.

- **Trật tự an toàn giao thông:** Đã lập biên bản hành chính 161.086 trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 4.489 xe các loại, tước giấy phép lái xe 3.676 trường hợp, xử lý 2.115 trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm,...



- **Tai nạn giao thông đường bộ:** Đã xảy ra 68 vụ tai nạn giao thông đường bộ, giảm 15 vụ so với tháng trước, giảm 28 vụ so với tháng 4/2010, làm chết 56 người, bị thương 27 người, làm hư hỏng 97 xe các loại, ngoài ra có 616 vụ va chạm thiệt hại không đáng kể.

- **Tai nạn cháy, nổ:** Đã xảy ra 12 vụ cháy, tăng 5 vụ so với tháng 3 và giảm 18 vụ so với tháng 4/2010; đã có 2 người chết và 3 người bị thương; thiệt hại về tài sản trị giá trên 17 triệu đồng (trong đó có 6 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố về điện.

Trong tháng 4 đã xảy ra 1 vụ nổ làm bị thương nhẹ 5 người, không có người chết. Nguyên nhân do sửa chữa điện lạnh không đúng quy trình.

### **3. Giải quyết việc làm:**

Trong tháng 5, thành phố đã giới thiệu việc làm cho 23,9 ngàn lao động, tăng 14,5% so tháng trước. Trong đó lao động có việc làm ổn định là 16,5 ngàn người, tăng 17,4%. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 9,3 ngàn chỗ làm, giảm 4,6% so tháng trước.

Từ đầu năm đến nay, thành phố đã giải quyết việc làm cho 104,3 ngàn lao động, đạt 38,6% kế hoạch. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 70,8 ngàn người, chiếm 67,9% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 40,9 ngàn chỗ làm, đạt 34,1% kế hoạch năm.

### **Tình hình bảo hiểm thất nghiệp:**

Từ ngày 15/04 đến ngày 10/05, trên địa bàn thành phố có 9,7 ngàn người lao động đến Trung tâm Giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp. Số người đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp là 8,8 ngàn người. Số người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp là 7,3 ngàn người. Số người đề nghị chuyển hưởng trợ cấp thất nghiệp đến các tỉnh, thành phố khác là 1,7 ngàn người. Số người từ nơi khác chuyển đến thành phố hưởng trợ cấp thất nghiệp là 62 người.

Trên đây là tình hình kinh tế xã hội của thành phố Hồ Chí Minh tháng 5 và 5 tháng năm 2011.

**Q. CỤC TRƯỞNG**

**Lê Thị Thanh Loan**